

PHÁT TRIỂN LÝ LUẬN VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM: THÀNH TỰU VÀ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

PGS, TS NGUYỄN VIỆT THẢO

Nguyên Phó Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Ngày tiếp nhận: 03/01/2025 Ngày bình duyệt: 30/3/2025 Ngày duyệt đăng: 25/4/2025

● **Tóm tắt:** Từ khi ra đời đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn khẳng định: chủ nghĩa xã hội là mục tiêu, lý tưởng của Đảng và nhân dân Việt Nam; đi lên chủ nghĩa xã hội là con đường tất yếu của cách mạng Việt Nam. Trong những năm tiến hành công cuộc đổi mới, Đảng từng bước nhận thức ngày càng đầy đủ, sâu sắc hơn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Trên cơ sở phân tích thành tựu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, bài viết chỉ ra những vấn đề cần giải quyết trong thời gian tới.

● **Từ khóa:** Việt Nam, lý luận về chủ nghĩa xã hội, thời kỳ quá độ

1. Quan điểm về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ trước đổi mới

Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội trước đổi mới, Đảng nhất quán với hệ thống các quan điểm về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam như sau:

Về bản chất, mục tiêu, động lực của chủ nghĩa xã hội, Đảng sớm chỉ rõ: chủ nghĩa xã hội là nhân dân lao động làm chủ, sống ấm no, hạnh phúc¹; là chế độ sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể; là nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa; là nền kinh tế cân đối và hiện đại; là quá trình đấu tranh giai cấp gay go, phức tạp giữa hai giai cấp vô sản và tư sản, giữa hai con

đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa; là quá trình thực hiện ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật và cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt.

Về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, Đại hội lần thứ III (1960) nêu rõ: “Từ khi hòa bình được lập lại, miền Bắc nước ta đã bước vào thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội”². “Thời kỳ ấy bắt đầu từ khi miền Bắc được hoàn toàn giải phóng và sẽ kết thúc khi chúng ta đã căn bản hoàn thành xây dựng chủ nghĩa xã hội”³. Đặc điểm lớn nhất của Việt Nam khi bước vào thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội là từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng

lên chủ nghĩa xã hội không phải kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam có nhiều chặng đường. Nhiệm vụ của thời kỳ quá độ là sử dụng chính quyền nhà nước dân chủ nhân dân làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản để tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Về hệ thống chuyên chính vô sản và xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa, Đảng nêu ra các quan điểm cơ bản: *một là*, nắm vững chuyên chính vô sản; *hai là*, xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa; *ba là*, xây dựng nhà nước chuyên chính vô sản; *bốn là*, thiết lập cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ; *năm là*, xây dựng Đảng vững mạnh, trong sạch và ngày càng thành thực trong lãnh đạo kinh tế, văn hóa. Nhà nước chuyên chính vô sản là “(...) một tổ chức thực hiện quyền làm chủ tập thể của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, một tổ chức thông qua đó Đảng thực hiện sự lãnh đạo của mình đối với tiến trình phát triển của xã hội”⁴.

Về lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất, phát triển kinh tế, Đảng khẳng định: “(...) cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc phải là một quá trình cải biến cách mạng về mọi mặt, nhằm đưa miền Bắc từ nền kinh tế chủ yếu dựa trên sở hữu cá thể về tư liệu sản xuất tiến lên nền kinh tế xã hội chủ nghĩa dựa trên sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể”⁵. Tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa. Công nghiệp hóa đất nước là nhiệm vụ trung tâm để xây dựng nền kinh tế quốc dân “có công nghiệp hiện đại, nông nghiệp

hiện đại, khoa học, kỹ thuật tiên tiến”. Xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, có kế hoạch, tập trung, thống nhất với cơ cấu hợp lý, ưu tiên phát triển công nghiệp nặng.

Về xây dựng nền văn hóa, con người xã hội chủ nghĩa, Đảng khẳng định: “Con người là vốn quý nhất của chế độ xã hội chủ nghĩa”⁶; “Con người mới xã hội chủ nghĩa là con người Việt Nam mới mà những đặc trưng nổi bật là: làm chủ tập thể, lao động, yêu nước xã hội chủ nghĩa và tinh thần quốc tế vô sản (...) Con người mới là con người có tư tưởng đúng và tình cảm đẹp, có tri thức và năng lực để làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân”⁷.

Về đại đoàn kết toàn dân tộc và phát huy nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, Đảng nhấn mạnh xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa là xây dựng xã hội nước ta thành một xã hội, trong đó, người làm chủ chân chính là cộng đồng xã hội, là tập thể nhân dân lao động có tổ chức, mà nòng cốt là liên minh công nông, và do giai cấp công nhân lãnh đạo. Nội dung của làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa bao gồm nhiều mặt: làm chủ về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội; làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân; làm chủ trong phạm vi cả nước, trong mỗi địa phương, mỗi cơ sở; là kết hợp hữu cơ quyền làm chủ tập thể với quyền tự do chân chính của từng cá nhân. Đó là làm chủ thật sự, làm chủ đầy đủ nhất.

Về đối ngoại, Đảng xác định: “Cách mạng Việt Nam là một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới”⁸. “Thắt chặt tình hữu nghị và mở rộng quan hệ hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa anh em trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế

xã hội chủ nghĩa là vấn đề hàng đầu trong chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta”⁹. Đảng chủ trương coi quan hệ với Liên Xô là hòn đá tảng; đồng thời, “Thiết lập và mở rộng quan hệ bình thường giữa nước ta với tất cả các nước có chế độ xã hội chủ nghĩa khác nhau trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng và hai bên đều có lợi”¹⁰.

Về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, Đảng nhấn mạnh: không ngừng đề cao cảnh giác, thường xuyên củng cố quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, toàn diện và hiện đại. Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế, từng bước phát triển công nghiệp quốc phòng đi đôi với tăng cường tiềm lực kinh tế của đất nước¹¹. Bảo đảm an ninh chính trị và trật tự xã hội là nhiệm vụ cực kỳ quan trọng, phải xây dựng lực lượng công an nhân dân trong sạch, vững mạnh về mọi mặt.

Có thể khái quát những thành tựu trong phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trước đổi mới gồm:

Thứ nhất, đó là nỗ lực áp dụng những nguyên lý phổ biến của cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội vào hoàn cảnh, điều kiện đặc thù của Việt Nam có hoàn cảnh lịch sử đặc biệt, vừa tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, vừa tiếp tục thực hiện cách mạng giải phóng dân tộc ở miền Nam.

Thứ hai, đó là nhận thức và quan điểm nhất quán gắn cách mạng Việt Nam thành bộ phận hữu cơ của cách mạng thế giới; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong chiến tranh chống đế quốc và xây

dựng chủ nghĩa xã hội; chú trọng xây dựng, củng cố mặt trận đoàn kết toàn thế giới ủng hộ Việt Nam.

Thứ ba, đó là nhận thức sâu sắc về vai trò, tầm quan trọng của công nghiệp hóa, nâng cao năng suất lao động, phát triển một số ngành sản xuất công nghiệp nền tảng (luyện kim, cơ khí, chế tạo, hóa chất, điện lực...) đối với nhiệm vụ tạo ra cơ sở vật chất - kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội; đó là quan điểm xác định cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Thứ tư, đó là quan điểm và ý thức coi trọng đồng thời cả hai nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ đất nước trong mọi thời kỳ, hoàn cảnh; kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh và kinh tế, quốc phòng, an ninh với đối ngoại.

Thứ năm, đó là quan điểm và nhận thức về sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của sự nghiệp cách mạng, trong đó có công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội cả về lý luận và thực tiễn.

Tuy nhiên, trong nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam thời kỳ trước đổi mới, Đảng đã mắc các hạn chế sau đây:

Thứ nhất, căn bệnh chủ quan, duy ý chí, lối suy nghĩ và hành động giản đơn, nóng vội chạy theo nguyện vọng chủ quan. Nhận thức không đầy đủ về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là một quá trình lịch sử tương đối dài, phải trải qua nhiều chặng đường, muốn bỏ qua những bước đi cần thiết. Trong việc bố trí cơ cấu kinh tế, trước hết là cơ cấu sản xuất và đầu tư, thường chỉ xuất phát từ lòng mong muốn đi nhanh, không tính tới điều kiện và khả năng thực tế. Đã có những

biểu hiện nóng vội muốn xóa bỏ ngay các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa, nhanh chóng biến kinh tế tư bản tư nhân thành quốc doanh..., như Đại hội lần thứ VI của Đảng đã nghiêm khắc chỉ ra¹².

Thứ hai, kéo dài quá lâu mô hình chủ nghĩa cộng sản thời chiến. Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam được xây dựng trong hoàn cảnh chiến tranh khốc liệt, kéo dài. Trong nhiều năm, mô hình chủ nghĩa cộng sản thời chiến được áp dụng như một tất yếu và đã phát huy tác dụng trong huy động sức người và các nguồn lực khác cho hai nhiệm vụ chiến lược của sự nghiệp cách mạng. Sau chiến thắng 1975, mô hình đặc thù này vẫn tiếp tục được duy trì, củng cố, gây ra nhiều biến dạng trong nhận thức và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước.

Thứ ba, áp dụng mô hình chủ nghĩa xã hội Xô viết một cách rập khuôn, máy móc. Từ hệ thống chính trị đến cơ cấu kinh tế; từ công nghiệp hóa thiên về công nghiệp nặng, ít chú ý đến công nghiệp hóa nông nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng đến xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa..., cách làm của Liên Xô được sao chép ở Việt Nam, gây ra hàng loạt mất cân đối lớn, kinh tế - xã hội đất nước khó khăn, trì trệ, suy thoái và khủng hoảng nghiêm trọng vào thập kỷ 80 của thế kỷ XX.

Thứ tư, không bám sát các chuyển động lớn của thời đại. Cách mạng công nghiệp lần thứ ba xuất hiện vào những năm 70 của thế kỷ XX khai sinh một thời đại kinh tế mới, kinh tế tin học hóa; sự xuất hiện của chủ nghĩa tư bản hiện đại với ba trung tâm hùng hậu là Bắc Mỹ, Tây Âu và Nhật Bản; xu thế toàn cầu hóa bắt đầu hình thành cũng từ những năm 1970, v.v... đều không được tiếp

cận kịp thời, đầy đủ khi Đảng xây dựng nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Thứ năm, công tác xây dựng Đảng chưa ngang tầm. Đại hội lần thứ VI thẳng thắn nhận định: “Những sai lầm và khuyết điểm trong lãnh đạo kinh tế, xã hội bắt nguồn từ những khuyết điểm trong hoạt động *tư tưởng, tổ chức và công tác cán bộ* của Đảng. Đây là nguyên nhân của mọi nguyên nhân”¹³. Đã bộc lộ sự lạc hậu trong nhận thức về nhiều nguyên lý, quy luật của chủ nghĩa Mác-Lênin, nhất là các quy luật trong thời kỳ quá độ; muốn thực hiện nhanh chóng nhiều mục tiêu của chủ nghĩa xã hội trong điều kiện đất nước mới ở chặng đường đầu tiên; đã có những thành kiến không đúng, chưa thật sự thừa nhận những quy luật của sản xuất hàng hóa đang tồn tại khách quan; do đó, không chú ý vận dụng chúng vào việc chế định các chủ trương, chính sách kinh tế...

2. Tư duy của Đảng về chủ nghĩa xã hội và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới

Đại hội lần thứ VI (1986) là đại hội mở đầu công cuộc đổi mới, mà nội dung cơ bản là đổi mới tư duy về chủ nghĩa xã hội và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam:

Thứ nhất, đổi mới tư duy, nhận thức rõ hơn về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Đại hội lần thứ VI xác định nguyên nhân của những sai lầm, thiếu sót trước đổi mới là: “Do chưa nhận thức đầy đủ rằng thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là một quá trình lịch sử tương đối dài, phải trải qua nhiều chặng đường, và do tư tưởng chỉ đạo chủ quan, nóng vội, muốn bỏ qua những bước đi cần thiết...”¹⁴.

Cương lĩnh năm 1991 xác định: “Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là quá trình lâu dài, trải qua nhiều chặng đường”. Đại hội lần thứ IX (2001) chỉ rõ: “Xây dựng chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tạo ra sự biến đổi về chất của xã hội trên tất cả các lĩnh vực là sự nghiệp rất khó khăn, phức tạp, cho nên phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội có tính chất quá độ”¹⁵.

Đại hội lần thứ VI nêu ra tư duy mới về các thành phần kinh tế trong thời kỳ quá độ. Tất cả các trình độ của lực lượng sản xuất (lớn, vừa, nhỏ) cần phải được nhìn nhận là sức sản xuất của xã hội trong thời kỳ quá độ. “Muốn phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất (...) phải xác định đúng cơ cấu thành phần kinh tế”¹⁶ và “cần có chính sách sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế khác”; bao gồm “(...) kinh tế tiểu sản xuất hàng hóa (thợ thủ công, nông dân cá thể, những người buôn bán và kinh doanh dịch vụ cá thể); kinh tế tư bản tư nhân; kinh tế tư bản nhà nước dưới nhiều hình thức...”¹⁷.

Cương lĩnh năm 1991 xác định trình độ hiện đại của một cơ cấu kinh tế - xã hội: “Khi kết thúc thời kỳ quá độ, hình thành về cơ bản nền kinh tế công nghiệp với *cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp - dịch vụ* gắn với phân công và hợp tác kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng”¹⁸. *Cương lĩnh* (bổ sung, phát triển năm 2011) chỉ ra rõ hơn về tính chất xã hội chủ nghĩa của xã hội: “Mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ ở nước ta là xây dựng được về cơ bản nền tảng kinh tế của chủ nghĩa xã hội với kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng, văn hóa phù hợp,

tạo cơ sở để nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa ngày càng phồn vinh, hạnh phúc”¹⁹.

Thứ hai, từng bước làm sáng tỏ các đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

Cương lĩnh năm 1991 xác định xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam gồm sáu đặc trưng: (1) do nhân dân lao động làm chủ; (2) có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu; (3) có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; (4) con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân; (5) các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ; (6) có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới.

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) hoàn thiện thêm một bước các đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Bổ sung hai đặc trưng “dân chủ, công bằng” vào mục tiêu tổng quát là “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”; chuyển từ “dân chủ” lên trước từ “công bằng” trong mục tiêu tổng quát để nhấn mạnh bản chất của xã hội ta là “xã hội dân chủ” theo đúng tư tưởng Hồ Chí Minh. Đặc trưng kinh tế được diễn đạt mới thành: “có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp”, thay thế cách diễn đạt trước kia là: “có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu”. Đặc trưng về con người được xác định phù hợp hơn, thay thế “con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công” thành “con người có cuộc sống

ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện”. Bổ sung đặc trưng “có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản” thể hiện vị trí đặc biệt quan trọng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong hệ thống chính trị của Việt Nam. Xác định xã hội xã hội chủ nghĩa là xã hội “do nhân dân làm chủ” thay thế cách diễn đạt trước kia “do nhân dân lao động làm chủ”. Quan hệ giữa các dân tộc được điều chỉnh hợp lý thành đặc trưng: “các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển”. Đặc trưng về đối ngoại được diễn đạt một cách chính xác hơn: “có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới”.

Đến nay, tám đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam được xác định đầy đủ gồm: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới.

Thứ ba, bổ sung, phát triển các phương hướng cơ bản đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Cương lĩnh năm 1991 xác định bảy phương hướng cơ bản quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta²⁰, bao gồm:

“*Một là*, xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa, nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do đảng cộng sản lãnh đạo. Thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, giữ nghiêm kỷ cương xã hội, chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân.

Hai là, phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hóa đất nước theo hướng hiện đại gắn liền với phát triển một nền nông nghiệp toàn diện là nhiệm vụ trung tâm nhằm từng bước xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, không ngừng nâng cao năng suất lao động xã hội và cải thiện đời sống nhân dân.

Ba là, phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất, thiết lập từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa từ thấp đến cao với sự đa dạng về hình thức sở hữu. Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân. Thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu.

Bốn là, tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vị trí chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội. Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của tất cả các dân tộc trong nước, tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, văn minh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức,

đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao. Chống tư tưởng, văn hóa phản tiến bộ, trái với những truyền thống tốt đẹp của dân tộc và những giá trị cao quý của loài người, trái với phương hướng đi lên chủ nghĩa xã hội.

Năm là, thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất, tập hợp mọi lực lượng phấn đấu vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh. Thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình, hợp tác và hữu nghị với tất cả các nước; trung thành với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa, với tất cả các lực lượng đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

Sáu là, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc là hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam. Trong khi đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng đất nước, nhân dân ta luôn luôn nâng cao cảnh giác, củng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ Tổ quốc và các thành quả cách mạng.

Bảy là, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức ngang tầm nhiệm vụ, bảo đảm cho Đảng làm tròn trách nhiệm lãnh đạo sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta”²¹.

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) đã xác định tám phương hướng cơ bản, bao gồm: “*Một là*, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường. *Hai là*, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. *Ba là*, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống

nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. *Bốn là*, bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. *Năm là*, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. *Sáu là*, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất. *Bảy là*, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. *Tám là*, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh”²². Đồng thời, Đảng đã cụ thể hóa những phương hướng đó thành những định hướng lớn về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; hệ thống chính trị và vai trò lãnh đạo của Đảng.

Đánh giá 10 năm thực hiện *Cương lĩnh* (bổ sung, phát triển năm 2011), 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, Đại hội lần thứ XIII (2021) khẳng định thành tựu nhận thức lý luận: Mục tiêu, đặc trưng, những phương hướng cơ bản và những quan hệ lớn mang tính quy luật trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc tiếp tục được bổ sung, cụ thể hóa, phát triển với những nhận thức quan trọng. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình phát triển tổng quát của nền kinh tế Việt Nam. Gắn kết giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; phát huy nhân tố con người, lấy nhân dân làm trung tâm; phát huy vai trò của văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực của sự phát triển. Khẳng định bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; đổi mới phương

thức vận hành của Nhà nước theo hướng hoàn thiện thể chế, phát huy dân chủ, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân; hoàn thiện mô hình tổ chức của Nhà nước, phân công, phối hợp giữa các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp, coi trọng kiểm soát quyền lực nhà nước; giải quyết mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội, quan hệ giữa Nhà nước, doanh nghiệp và người dân. Nhận thức sâu sắc hơn bản chất, tính cách mạng, tính tiên phong của Đảng; vai trò lãnh đạo, cầm quyền của Đảng; yêu cầu xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh toàn diện cả về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng trong điều kiện mới; đẩy mạnh xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ...

Quán triệt sâu sắc phương châm bảo đảm quốc phòng, an ninh là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên. Kết hợp chặt chẽ giữa bảo đảm quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế - xã hội; hoàn thiện lý luận về quốc phòng, an ninh và tư duy mới về bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, từ khi “nước chưa nguy” trên cơ sở xây dựng thế trận lòng dân vững chắc; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, có một số quân chủng, binh chủng, lực lượng tiến thẳng lên hiện đại.

“Hoàn thiện và nhận thức sâu sắc hơn đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại; là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng. Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia -

dân tộc trên cơ sở tôn trọng các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi; chú trọng nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế trong tình hình mới”²³.

Thứ tư, các mối quan hệ lớn cần được nhận thức và giải quyết tốt trong công cuộc đổi mới, quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Cương lĩnh (bổ sung và phát triển năm 2011) chính thức dùng thuật ngữ “mối quan hệ lớn” và xác định hệ thống chính thể tám mối quan hệ lớn “cần đặc biệt chú trọng nắm vững và giải quyết tốt” trong quá trình thực hiện các phương hướng cơ bản xây dựng, phát triển đất nước, bao gồm: (1) quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; (2) quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; (3) quan hệ giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa; (4) quan hệ giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; (5) quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; (6) quan hệ giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; (7) quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; (8) quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ.

Đại hội lần thứ XII (2016) đã điều chỉnh quan hệ “giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa” thành “giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa trong từng giai đoạn”; bổ sung mối quan hệ mới “giữa Nhà nước và thị trường” được phát triển thành mối quan hệ “giữa Nhà nước, thị trường và xã hội”. Đồng thời, Đại hội thể hiện sự nhận thức ngày

càng đầy đủ và sâu sắc hơn yêu cầu gắn kết giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường; phát huy nhân tố con người, lấy nhân dân làm trung tâm, phát huy vai trò của văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực của sự phát triển; yêu cầu phát triển nhanh phải gắn liền với bền vững, với bảo đảm sự đồng bộ giữa kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và môi trường. Nhận thức rõ phát triển bền vững vừa là yêu cầu, vừa là một giá trị cốt lõi của quốc gia - dân tộc, đồng thời cũng là một giá trị chung của nhân loại²⁴.

Đại hội lần thứ XIII (2021) nhấn mạnh những mối quan hệ lớn phản ánh các quy luật mang tính biện chứng, những vấn đề lý luận cốt lõi về đường lối đổi mới của Đảng ta; đồng thời, có những nhận thức, bổ sung mới về các mối quan hệ lớn. Đó là điều chỉnh, bổ sung mối quan hệ “giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội” thành “giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường”; điều chỉnh mối quan hệ “giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa” thành “giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa”; điều chỉnh mối quan hệ “giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ” thành “giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ”. Đặc biệt, xuất phát từ thực tiễn, Đảng bổ sung mối quan hệ “(...) giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội”²⁵.

Đến nay, Đảng ta đã xác định mười mối quan hệ lớn cần tiếp tục nắm vững và xử lý tốt trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Cụ thể là “(...) các mối quan hệ lớn:

giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa Nhà nước, thị trường và xã hội; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ; giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội”²⁶.

Đánh giá chung, trong gần 40 năm đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã có những thành tựu to lớn, toàn diện trong phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, tạo ra cơ sở lý luận đúng đắn cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh thế giới có nhiều bước vận động quanh co, phức tạp.

Những thành tựu phát triển lý luận to lớn, toàn diện đó luôn luôn *kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, bám sát bản chất khoa học và cách mạng* của hệ tư tưởng cộng sản; đồng thời, vận dụng một cách sáng tạo vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, bổ sung kịp thời những nội dung mà qua tổng kết thực tiễn đã chín muồi, sáng tỏ. Nổi bật là sự phát triển lý luận của Đảng về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa: không xem kinh tế thị trường đồng nghĩa với chủ nghĩa tư bản, đối lập mặc nhiên với chủ nghĩa xã hội; mà nhìn nhận nó như một trình độ phát triển của nền kinh tế thế giới, một thành tựu của văn minh loài người. Từ đó,

từng bước xác lập, hoàn thiện quan niệm về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam “(...) là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước”²⁷.

Những thành tựu phát triển lý luận to lớn, toàn diện đó luôn là kết quả của quá trình gắn lý luận với thực tiễn. Chủ nghĩa xã hội ở một quốc gia phương Đông, kém phát triển như Việt Nam sẽ phải có cấu trúc như thế nào và xây dựng nó bằng cách nào? Câu trả lời không có sẵn trong chủ nghĩa Mác - Lênin. Đảng Cộng sản Việt Nam đã tìm thấy câu trả lời thông qua tổng kết thực tiễn một cách công phu, khoa học, thường xuyên. Nhờ đó, nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam từng bước được sáng tỏ, đem lại cho nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cơ đồ, vị thế, sức mạnh, uy tín quốc tế hơn hẳn các thời kỳ trước đây.

Những thành tựu phát triển lý luận to lớn, toàn diện đó luôn là kết quả của quá trình gắn quốc gia với quốc tế, dân tộc với thời đại. Tiêu biểu nhất là trên cơ sở vượt qua tư duy và đường lối đối ngoại “nhất biên đảo” trước kia, Đảng, Nhà nước đã kiên định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa, Việt Nam là bạn, là đối tác tin

cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế. Nhờ sự phát triển cả về lý luận và thực tiễn đúng đắn như vậy, Việt Nam có môi trường quốc tế hòa bình, ổn định, thuận lợi cho phát triển đất nước; đã huy động được nguồn lực đầu tư, thương mại, khoa học công nghệ... to lớn, quý báu; đã tham gia ngày càng có lợi vào chuỗi giá trị toàn cầu; đã nắm bắt, đồng hành với các xu thế phát triển tiến bộ, hiện đại của thế giới ngày nay...

Tuy vậy, trước các chuyển động mang tính thời đại đang và sẽ tiếp tục diễn ra trong thế giới, quá trình phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam cũng bộc lộ không ít vấn đề còn bất cập, cần được giải quyết kịp thời:

Thứ nhất, nhận thức chung về chủ nghĩa xã hội trong thời đại mới, thời đại của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế..., vẫn chưa đủ độ sáng tỏ. Nguyên nhân là do đội ngũ lý luận cộng sản thế giới, trong đó có đội ngũ lý luận Việt Nam chưa tổng kết kịp thời và ngang tầm bối cảnh thời đại mới, những trào lưu xã hội chủ nghĩa đương đại, thành tựu và hạn chế của chủ nghĩa tư bản hiện đại...

Thứ hai, nhận thức về một số đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam chưa thật sự rõ ràng, thống nhất. Xây dựng các quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp, mặc dù được nêu ra từ Đại hội lần thứ XI (2011) đến nay đã gần 15 năm, nhưng chưa có văn kiện nào của Đảng xác định tiêu chí cụ thể: tiến bộ hơn quan hệ sản xuất nào? phù hợp với những gì?

Thứ ba, nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa; những biểu hiện chưa quan tâm đúng mức bảo đảm phát triển theo định hướng

xã hội chủ nghĩa; “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” diễn biến phức tạp... vẫn tiếp tục tồn tại, có mặt còn gay gắt hơn²⁸. Nếu liên hệ với sự thật xót xa, chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu trước đây đã tự sụp đổ, tan rã do các nguyên nhân bên trong, thì thấy rất rõ nhiệm vụ bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam nhất thiết phải được chú trọng hơn, hiệu quả hơn trong kỷ nguyên vươn mình đang tới.

Thứ tư, lý luận và thực tiễn xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong vai trò lãnh đạo và ở vị trí cầm quyền, một Đảng duy nhất lãnh đạo, cầm quyền còn chậm trễ, bất cập. Học thuyết xây dựng đảng cộng sản do C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin và lãnh tụ Hồ Chí Minh nêu ra, bên cạnh những giá trị bền vững, cũng không thể là đầy đủ cho xây dựng, chỉnh đốn Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay. Quá trình bổ sung, phát triển các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt của Đảng, mặc dù phải đáp ứng yêu cầu thận trọng, chính xác, nhưng nhiều nhiệm kỳ vừa qua chưa có nhiều bước tiến ngang tầm với nhiệm vụ then chốt. Đây là một trong những vấn đề sinh tử của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Tóm lại, qua gần 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới, hơn 30 năm thực hiện *Cương lĩnh* xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, “(...) lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được hoàn thiện và từng bước được hiện thực hóa. Chúng ta đã đạt được *những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử*, phát triển mạnh mẽ, toàn diện hơn so với những năm trước đổi mới. Với tất cả sự khiêm tốn, chúng ta vẫn có thể nói rằng: *Đất nước ta chưa bao*

giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay. Những thành tựu đó là sản phẩm kết tinh sức sáng tạo, là kết quả của cả một quá trình nỗ lực phấn đấu bền bỉ, liên tục qua nhiều nhiệm kỳ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta; tiếp tục khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của chúng ta là đúng đắn, phù hợp với quy luật khách quan, với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại; đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo; sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Cương lĩnh chính trị của Đảng tiếp tục là ngọn cờ tư tưởng, lý luận dẫn dắt dân tộc ta vững vàng tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; là nền tảng để Đảng ta hoàn thiện đường lối xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới”²⁹. ■

1, 2, 3, 5, 6 Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.21, tr.922, 922, 558, 531, 556.

4, 7, 8, 10 Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sdd, 2004, t.37, tr.577, 521, 175, 178.

9, 11 Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sdd, 2005, t.43, tr.141, 55.

12, 13, 14, 15, 16, 17, 18 Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, 2019, phần I, tr.24, 28, 22, 863, 55, 56, 432.

19, 22 Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sdd, tr.71, 72.

20, 21 Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sdd, 2007, t.51, tr.135, 135 - 136.

23, 25, 26, 27, 28, 29 Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.101, 119, 119, 128, 108, 25 - 26.

24 Trần Quốc Toàn, Phùng Hữu Phú, Tạ Ngọc Tấn (Đồng chủ biên): *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn phát triển đất nước: Hiện trạng - Vấn đề đặt ra - Định hướng trong giai đoạn mới*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020, tr.21 - 22.